ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 15/2011/QĐ-UBND	*Bình Chánh, ngày 15 tháng 9 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh, giai đoạn 2011 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bình Chánh lần thứ X, nhiệm kỳ 2010 - 2015;

Xét Tờ trình số 02/TTr-BQL ngày 28 tháng 4 năm 2011 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bình Lợi; ý kiến thẩm định của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố Hồ Chí Minh tại Thông báo số 145/TB-TCT-PTNT ngày 13 tháng 6 năm 2011; Tờ trình số 405/TTr-KT ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Phòng Kinh tế Huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án nông thôn mới xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh, giai đoạn 2011 - 2015.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về các hạng mục đầu tư, mức vốn đầu tư hoặc cơ cấu nguồn vốn đầu tư cho xã nông thôn mới, Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bình Lợi phối hợp các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Huyện nghiên cứu, đề xuất để kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Huyện; thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới Huyện; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Huyện; Trưởng Ban Chỉ đạo, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bình Lợi và các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Trọng Tuấn

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

ĐỀ ÁN

Nông thôn mới xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh, giai đoạn 2011 - 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)

Phần I
ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CHUNG

I. Điều kiện tự nhiên

1. Đặc điểm tự nhiên:

1.1. Vị trí địa lý: Xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh nằm ở phía Tây của ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh, cách trung tâm Thành phố khoảng 30 km.

- Phía Đông giáp xã Lê Minh Xuân.

- Phía Tây giáp xã Đức Hòa Hạ - huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Phía Bắc giáp xã Phạm Văn Hai.

- Phía Nam giáp xã Tân Nhựt và xã Lương Hòa - huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Xã Bình Lợi được chia làm 4 ấp; phân thành 2 khu: Khu A (ấp 3, 4) và khu B (ấp 1, 2).

1.2. Các đặc điểm địa hình, thổ nhưỡng:

Địa hình Xã Bình Lợi thuộc vùng thấp trũng, đầm lầy nằm trong vùng chuyển tiếp giữa miền Nam Trung Bộ và Tây Nam Bộ, với độ cao giảm dần theo hướng Đông Nam, dao động biến thiên từ 0,5 - 1,0 m, là vùng đất có độ thoát nước kém, hiện nay chỉ trồng mía và các loại cây ăn trái là chính.

1.3. Khí hậu:

Xã Bình Lợi nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, có nền nhiệt cao, ổn định với 2 mùa rõ rệt: mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô bắt đầu từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau.

2. Tài nguyên:

2.1. Đất đai:

- Đất nông nghiệp là 1.460 ha, chiếm 76,5% tổng diện tích đất tự nhiên của xã, bình quân diện tích đất nông nghiệp đạt 1.576 m^2/người và 8.400 m^2/hộ, diện tích

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

bình quân trên 1 lao động sản xuất nông nghiệp là 0,6 ha (6.053 m^2), diện tích đất bình quân của 1 hộ sản xuất nông nghiệp là 2,2 ha (22.496 m^2).

- Đất phi nông nghiệp: 408,88 ha, chiếm 21,42%.

- Đất chưa sử dụng: 39,68 ha, chiếm 2,08%.

2.2. Tài nguyên nước:

Xã Bình Lợi có hệ thống kênh, rạch khá đa dạng, nhiều tuyến kênh, rạch chạy qua tạo nên hệ thống thủy văn khép kín với 15 kênh lớn và 36 kênh, rạch nhỏ.

- Thủy văn của xã không chịu ảnh hưởng trực tiếp của chế độ thủy triều của biển nên biên độ triều trên địa bàn nhỏ (khoảng 2m).

3. Nhân lực:

3.1. Dân số:

Dân số toàn xã tính đến cuối năm 2010 (tổng điều tra dân số) là 8.927 nhân khẩu, 1.938 hộ gia đình (bao gồm cả hộ đăng ký tạm trú trên 6 tháng), mật độ dân số bình quân 468 người/km^2. Trong đó:

- Số hộ nông nghiệp: 649 hộ với 1.267 lao động chiếm 21%.

- Số hộ phi nông nghiệp và dịch vụ khác: 1.289 hộ với 4.864 lao động chiếm 79%.

3.2. Lao động:

- Lao động phân theo kiến thức phổ thông như sau: Bậc tiểu học chiếm 33%; Bậc trung học cơ sở chiếm 35%; Bậc trung học phổ thông chiếm 32%.

- Tỷ lệ lao động được đào tạo chuyên môn: có 4.099/6.131 lao động (chiếm 67% tổng số lao động) đã qua đào tạo chuyên môn.

II. Thực trạng về hạ tầng - kinh tế - xã hội:

1. Công tác quy hoạch:

Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh đã có quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 trong đó có xã Bình Lợi.

Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội môi trường, phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang khu dân cư hiện hữu: Chưa có.

2. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội:

2.1. Giao thông: Tổng chiều dài hệ thống giao thông tại xã 129,63 km. Trong đó,

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

xã đã đầu tư nâng cấp, mở rộng 57,17 km đường liên ấp, liên xã, nội đồng tạo nhiều thuận lợi giao thông, còn 72,46 km cần đầu tư nâng cấp.

2.2. Thủy lợi: Toàn xã có 53 tuyến kênh, rạch với tổng chiều dài 80 km. Xã có 4 trạm bơm do xã quản lý cần nâng cấp các trạm bơm này nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu sử dụng nước trong sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản của người dân. Số cống hiện có 23 cống, trong đó số cống đã đáp ứng yêu cầu là 13 cống, số cống cần nâng cấp 10 cống, số cống cần xây mới là 30 cống.

2.3. Điện: Toàn xã có hệ thống điện trung thế 25 km chủ yếu nằm dọc theo các tuyến đường. hệ thống điện hạ thế 45 km. Có 39 trạm biến áp.

2.4. Trường học

- Trường mầm non: Theo quy hoạch mạng lưới trường học của ngành giáo dục có nhưng chưa thực hiện.

- Trường Mẫu giáo: Có 01 trường mẫu giáo Sen Hồng (4 điểm trường). Số giáo viên 11 giáo viên (đạt chuẩn 100%). Số học sinh đang theo học 223, đạt tỷ lệ 100%.

- Trường Tiểu học: Xã Bình Lợi có 01 trường tiểu học Bình Lợi (3 điểm trường) với 15 lớp học nhưng chưa đạt chuẩn theo quy định của ngành giáo dục. Số giáo viên 18 giáo viên (đạt chuẩn 100%). Số học sinh đang theo học 605 học sinh đến tuổi đến trường đạt tỷ lệ 100%.

- Trường Trung học cơ sở: Có 01 trường trung học cơ sở với 11 lớp học. Với giáo viên 27 giáo viên và 378 học sinh đến tuổi đến trường đạt tỷ lệ 100%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp năm học 2009 - 2010 đạt 100%.

2.5. Cơ sở vật chất văn hóa: Xã Bình Lợi chưa có nhà văn hóa xã; chưa có khu thể dục thể thao.

2.6. Chợ: Trên địa bàn xã chưa có chợ để tập trung buôn bán.

2.7. Bưu điện: Xã hiện có 01 bưu điện văn hóa xã, tuy nhiên hệ thống thông tin liên lạc, trang thiết bị còn hạn chế. Toàn xã có 902 điện thoại cố định và 04 điểm truy cập Internet.

2.8. Nhà ở dân cư nông thôn: Tổng số nhà ở trên địa bàn xã là 2.168 căn, diện tích xây dựng ước tính khoảng trên 60.000 m^2, trong đó: có khoảng 20% nhà cấp 2, 3, còn lại là nhà cấp 4. Hiện nay, nhà tạm bợ còn 267 căn, chiếm khoảng 14%.

3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất:

3.1. Kinh tế:

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

- Theo nghị quyết Đại hội Đảng bộ thì cơ cấu kinh tế của xã là **Nông nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Thương mại dịch vụ.**

- Thu nhập bình quân đầu người: 14 triệu đồng/người/năm.

- Số lượng hộ nghèo: theo tiêu chí 12 triệu đồng/người/năm là 133 hộ chiếm 6,86% tổng số hộ toàn xã (1.938 hộ).

- Nhìn chung, nông nghiệp giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế, chiếm khoảng 32,72% tổng thu nhập, chủ yếu các ngành nuôi cá, trồng mía, nuôi heo, trồng lúa, cây ăn trái (sầu riêng, mít, xoài,…).

3.2. Lao động:

- Cơ cấu lao động: Nông nghiệp 21%; công nghiệp - TTCN - XD 76%; dịch vụ, thương mại 3%.

- Lao động phân theo kiến thức phổ thông: Tiểu học 33%; THCS 35%; THPT 32%.

- Tỷ lệ lao động được đào tạo chuyên môn: Sơ cấp (3 tháng trở lên) 53%, tỷ lệ trong nông nghiệp 47%; trung cấp 40%, tỷ lệ trong nông nghiệp 5%; Đại học 7%, tỷ lệ trong nông nghiệp 0,8%.

3.3. Hình thức tổ chức sản xuất:

- Số trang trại trên địa bàn xã là 05 trang trại; 26 doanh nghiệp, cơ sở chế biến, sản xuất kinh doanh trên địa bàn chủ yếu thuộc lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ.

- Kinh tế tập thể: Xã Bình Lợi có 1 hợp tác xã nhưng đã giải thể.

4. Văn hóa, xã hội và môi trường:

4.1. Văn hóa - giáo dục:

- Năm 2010, xã có 03 ấp được huyện công nhận đạt chuẩn ấp văn hóa, đạt tỷ lệ 75%.

- Phổ cập giáo dục trung học: xã đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học phổ thông năm 2010 (tỷ lệ 73,04%).

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) trong năm 2010 là 90,18%.

4.2. Y tế: Xã có 1 trạm y tế nhưng đã xuống cấp; số lượng người dân đăng ký BHYT là 50% dân số toàn xã.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

4.3. Môi trường:

- Hiện nay, trên địa bàn xã có khoảng 90% hộ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh.

- Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước) đạt chuẩn khoảng 94%.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất chưa đạt tiêu chuẩn môi trường khoảng 50%.

- Xử lý chất thải: Trên địa bàn xã 22,6% số hộ đăng ký thu gom và xử lý rác thải dân lập, số hộ còn lại tự tiêu huỷ rác bằng hình thức chôn hoặc đốt tại nhà vườn.

- Tỷ lệ số hộ có chăn nuôi hợp vệ sinh khoảng 50%.

- Nghĩa trang: Trên địa bàn xã hiện nay chưa có nghĩa trang. Định hướng sắp tới xây dựng nghĩa trang có diện tích khoảng 3 ha tại ấp 3.

5. Hệ thống chính trị:

- Đảng bộ cơ sở: Có 07 chi bộ trực thuộc, với 94 đảng viên. Trong đó có 04 chi bộ ấp, 01 chi bộ cơ quan, 02 chi bộ trường học và 01 chi bộ quân sự.

- Biên chế cán bộ, công chức xã có 38 nhân sự, gồm: 11 chuyên trách, 9 công chức và 18 không chuyên trách. Trong đó tốt nghiệp Đại học 13 người, tốt nghiệp trung cấp 15 người, tốt nghiệp trung học phổ thông 04 người, chưa tốt nghiệp trung học phổ thông 06 người, đang học đại học 06 người. Về trình độ chính trị: cao cấp 01, trung cấp 06.

6. Các chương trình, dự án đã và đang triển khai trên địa bàn xã:

- Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, giai đoạn 2006 - 2010.

- Các chương trình hỗ trợ lãi suất phục vụ cho chương trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp nêu trên.

Phần II
NỘI DUNG XÂY DỰNG MÔ HÌNH NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM 2015

I. Mục tiêu thực hiện:

- Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch hạ tầng kinh tế xã hội, quy hoạch khu dân cư (giúp cho người dân ổn định sản xuất, đảm bảo cho người dân có nơi đổ rác thải, nơi chôn chất đúng quy định, chỉnh trang khu dân cư, cải thiện bộ mặt nông thôn).

- Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn với chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

- Nâng cấp và cải tạo các tuyến kênh mương nội đồng đảm bảo tốt cho phục vụ sản xuất của người dân.

- Kiên cố hóa trường, lớp, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học.

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh.

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2015 tăng từ 1,5 so với mức khởi điểm xuất phát năm 2011.

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn Thành phố (dưới 12 triệu đồng/người/năm): giảm xuống dưới 3%

- Duy trì và phát triển đời sống văn hóa ở nông thôn với 100% số ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 90%.

II. Nội dung và nhiệm vụ cụ thể:

1. Công tác quy hoạch:

- Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Lập quy hoạch sử dụng đất để phân vùng sản xuất nông nghiệp và xây dựng nhà ở trên địa bàn xã do quy hoạch xây dựng 1/2000 chưa phủ kín.

- Hoàn thành quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn:

2.1. Giao thông:

- Nâng cấp, mở rộng, cải tạo các tuyến đường trục xã, liên xã: 8,95 km.

- Nâng cấp, mở rộng, cải tạo các tuyến đường trục ấp, liên ấp, liên tổ (đá dăm, cấp phối sỏi đỏ) lên nhựa hóa: 31,19 km.

- Đường ngõ xóm được bê tông hóa không lầy lội vào mùa mưa: 0,92 km.

- Đường nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện: 31,4 km.

- Xây dựng 5 cây cầu trên kênh Xáng Ngang.

2.2. Thủy lợi:

- Nâng cấp cải tạo 10 cống, xây mới 30 cống.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

- Xây dựng Hệ thống đê bao ngăn lũ Khu B (Quyết định 225/QĐ-SNN-QLĐT).

2.3. Điện:

- Cải tạo nâng cấp: Đường dây hạ thế 31 km, bao gồm các tuyến 1 pha thành 3 pha.

- Xây dựng mới: Đường dây hạ thế 19 km, đường dây trung thế, cao thế 4,8 km. Hệ thống điện chiếu sáng dọc các tuyến đường xuyên ấp.

2.4. Trường học:

- Cải tạo nâng cấp: Trường trung học cơ sở.

- Xây dựng mới: Trường mầm non; trường tiểu học.

2.5. Y tế: Xây mới 01 trạm y tế đạt chuẩn.

2.6. Cơ sở vật chất văn hóa: Xây dựng mới Văn phòng Ban nhân dân ấp 1; cải tạo, sửa chữa Văn phòng Ban nhân dân ấp 2, 3, 4.

2.7. Chợ nông thôn: Xây mới 1 chợ nông thôn.

2.8. Bưu điện: Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa Bưu điện

2.9. Nhà ở dân cư nông thôn: Sửa chữa, nâng cấp 433 hộ. Trong đó, cần vận động sửa chữa 19 căn nhà tình thương.

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất:

3.1. Phương hướng phát triển các ngành sản xuất nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập người dân:

a) Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp phù hợp với nông nghiệp đô thị đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường, dịch bệnh - mang lại hiệu quả kinh tế cao:

- Nuôi cá thịt thâm canh: Quy mô dự kiến khoảng 320 ha.

- Nuôi cá kiểng: Quy mô dự kiến 10 ha.

- Trồng mai vàng nguyên liệu, trồng mai ghép: Quy mô dự kiến 80 ha.

- Trồng mía thâm canh năng suất cao: Quy mô dự kiến 800 ha.

- Mô hình VAC kết hợp du lịch sinh thái vườn: Quy mô dự kiến 150 ha (vườn, mặt nước, chuồng).

- Xây dựng và thực hiện chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

Đồng thời duy trì một số mô hình khác như trồng lúa nước (100 ha), nuôi heo, bò, trồng sen, trồng hoa kiểng, bonsai… cũng đang được đầu tư phát triển có hiệu quả trên địa bàn xã.

b) Đào tạo nghề, giải quyết việc làm:

- Ban quản lý liên kết chặt chẽ với trường dạy nghề trên địa bàn huyện, các trường lân cận và các doanh nghiệp nhằm có định hướng đào tạo công nhân kỹ thuật để giải quyết lao động có việc làm.

- Đào tạo nghề cấp chứng chỉ, tập huấn kỹ thuật sản xuất cho nông dân, kỹ năng khuyến nông cho cán bộ khuyến nông cơ sở, nông dân giỏi.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp, trường Đại học, Viện nghiên cứu... với nông dân, hộ sản xuất trong công tác chuyển giao tiến bộ KHKT, giống mới, công nghệ sau thu hoạch.

- Đào tạo và nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ kế toán cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp của xã, hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác sản xuất, doanh nghiệp.

3.2. Các hình thức tổ chức cần phát triển:

- Tuyên truyền, vận động nhằm giúp người nông dân nắm bắt được chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể.

- Bồi dưỡng, đào tạo tổ trưởng, tổ phó tổ hợp tác nhằm nâng cao về năng lực quản lý.

- Hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu như trang thiết bị phục vụ thông tin liên lạc, đào tạo trao đổi, cập nhật thông tin (điện thoại, máy fax, máy vi tính,...).

- Hỗ trợ để mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động SX-KD, dịch vụ của các tổ chức kinh tế tổ hợp tác.

- Thành lập mới 02 tổ hợp tác từ 02 câu lạc bộ cá sấu và câu lạc bộ hoa lan, cây kiểng.

4. Giáo dục, y tế, văn hóa xã hội và môi trường:

4.1. Giáo dục và đào tạo: Xây dựng các chương trình như tập huấn khoa học kỹ thuật, đào tạo nghề, đào tạo cán bộ tại chỗ,…

4.2. Chương trình chăm sóc sức khỏe: Tỷ lệ người tham gia các hình thức bảo hiểm đạt trên 75%, xây dựng hệ thống xử lý chất thải y tế đạt chuẩn.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

4.3. Xây dựng đời sống văn hóa phong phú, lành mạnh:

- Tỷ lệ xóm, ấp đạt tiêu chuẩn trên 70%, gia đình văn hóa, gương người tốt, việc tốt năm 2011 tiếp tục giữ vững và vượt theo chỉ tiêu hàng năm, ấp có trên 80% số hộ đạt gia đình văn hóa, hàng năm có từ 10 đến 15 gương người tốt việc tốt được biểu dương ở ấp.

- Xây dựng các chỉ tiêu về hoạt động văn hóa, thể thao đối với xã, hàng năm có 80% số cơ quan, đơn vị tại địa bàn đạt tiêu chuẩn công sở văn minh sạch đẹp an toàn, đơn vị văn hóa, 85% số dân thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, 20% số dân tham gia các hoạt động văn nghệ, 25% số dân tham gia hoạt động thể dục thể thao thường xuyên.

4.4. Bảo vệ và phát triển môi trường nông thôn:

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 100%.

- Tỷ lệ hộ có cơ sở chăn nuôi hợp vệ sinh: 100%.

- Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước) đạt chuẩn: 100%.

- Củng cố các tổ thu gom và xử lý rác. Thu gom rác khu dân cư tập trung ở các trục đường chính đạt 100%, hộ gia đình sống phân tán tự xử lý rác hợp môi trường.

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống rãnh thoát nước trong thôn xóm.

- Số cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

- Quy hoạch và xây dựng quy chế quản lý nghĩa trang (diện tích 3,8 ha) tại ấp 3.

- Trồng cây xanh các tuyến đường, trường học,cơ quan, y tế,… vận động dân tham gia các hội thi Môi trường xanh cấp Sở, Thành phố (Môi trường xanh, Chủ nhật xanh…).

4.5. Củng cố, nâng cao chất lượng và vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở:

- Tỷ lệ cán bộ xã đạt chuẩn: đạt 100%.

- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.

- Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh.

- Các tổ chức đoàn thể chính trị xã đạt danh hiệu tiên tiến trở lên.

- An ninh trật tự xã hội được giữ vững.

4.6. An ninh chính trị và trật tự xã hội:

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

- An ninh xã hội tiếp tục được giữ vững, ổn định. Thực hiện có hiệu quả các chương trình hành động của Huyện ủy về tăng cường lãnh đạo đấu tranh phòng chống tội phạm, thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng "âm mưu diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, đảm bảo giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, thường xuyên phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.

- Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước ở địa phương và vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, giải quyết tốt khiếu nại, tố cáo xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người hoặc xảy ra điểm nóng.

III. Dự kiến kinh phí và nguồn vốn đầu tư:

1. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện đề án dự kiến: 536.961 triệu đồng (năm trăm ba mươi sáu tỷ chín trăm sáu mươi mốt triệu đồng). Trong đó:

- Vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản: 468.762 triệu đồng (chiếm 87,30%).

- Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 68.199 triệu đồng (chiếm 12,70%).

2. Nguồn vốn:

2.1. Vốn từ Ngân sách: 349.648 triệu đồng, chiếm 65,12%.

- Vốn nông thôn mới: 277.128 triệu đồng, chiếm 51,61%.

- Vốn lồng ghép: 72.520 triệu đồng, chiếm 13,51%.

2.2. Vốn nhân dân, doanh nghiệp đóng góp: 158.714 triệu đồng, chiếm 29,55%.

- Vốn nhân dân đóng góp: 146.239 triệu đồng, chiếm 27,23%.

- Vốn doanh nghiệp: 12.475 triệu đồng, chiếm 2,32%.

2.3. Vốn vay tín dụng: 28.599 triệu đồng, chiếm 5,33%.

Phần III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện đề án đến năm 2015:

- Năm 2011: Đạt 8/19 tiêu chí (văn hóa, bưu điện, điện, an ninh trật tự, giáo dục, cơ cấu lao động, quy hoạch, y tế).

- Năm 2012: Đạt 9/19 tiêu chí, đạt thêm 1 tiêu chí (hình thức tổ chức sản xuất).

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

- Năm 2013: Đạt 12/19 tiêu chí, đạt thêm 3 tiêu chí (trường học, nhà ở dân cư, hộ nghèo).

- Năm 2014: Đạt 17/19 tiêu chí, đạt thêm 5 tiêu chí (thủy lợi, cơ sở vật chất văn hóa, môi trường, hệ thống tổ chức chính trị xã hội, chợ nông thôn).

- Năm 2015: Đạt 19/19 tiêu chí, đạt thêm 2 tiêu chí (giao thông, thu nhập).

- Thời gian thực hiện đề án: Năm 2011 - 2015.

- Địa điểm thực hiện: Xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quy mô và khối lượng thực hiện: theo các biểu đính kèm.

3. Phân công thực hiện:

3.1. Trách nhiệm của Huyện:

a) Chỉ đạo tổ chức triển khai các chương trình trên địa bàn;

b) Phân công, phân cấp trách nhiệm của từng cấp và các ban, ngành cùng cấp trong việc tổ chức thực hiện chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở;

c) Chỉ đạo lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án trên địa bàn; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc quản lý thực hiện chương trình và thực hiện chế độ báo cáo hàng năm.

3.2. Trách nhiệm của xã:

- Nhiệm vụ của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã chịu trách nhiệm về tổ chức triển khai xây dựng và thực hiện đề án phát triển nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Mỗi đảng viên phải gương mẫu thực hiện tại hộ mình, đồng thời vận động giúp đỡ hộ lân cận hay nhóm hộ nơi cư trú cùng thực hiện.

- Đảng ủy phân công mỗi đảng viên phụ trách một mảng công tác, mỗi đoàn thể chủ trì thực hiện một đến hai nội dung trong đề án xây dựng nông thôn mới.

- Các cấp, các ấp cam kết giữa các hộ trong việc thực hiện nội dung xây dựng nông thôn mới tại gia đình mình.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

Phụ lục 1

DỰ KIẾN TIẾN ĐỘ ĐẠT 19 TIÊU CHÍ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ BÌNH LỢI - HUYỆNBÌNH CHÁNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2011QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)

STT	TÊN TIÊU CHÍ	NĂM 2011	NĂM 2012	NĂM 2013	NĂM 2014	NĂM 2015
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
2	Giao thông					Đạt
3	Thủy lợi				Đạt	Đạt
4	Điện	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
5	Trường học			Đạt	Đạt	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hóa				Đạt	Đạt
7	Chợ nông thôn				Đạt	Đạt
8	Bưu điện	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư			Đạt	Đạt	Đạt
10	Thu nhập					Đạt
11	Hộ nghèo			Đạt	Đạt	Đạt
12	Cơ cấu lao động	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
13	Hình thức tổ chức sản xuất		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
14	Giáo dục	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
15	Y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
16	Văn hóa	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
17	Môi trường				Đạt	Đạt
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh				Đạt	Đạt
19	An ninh trật tự xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
TỔNG CỘNG		8/19	9/19	12/19	17/19	19/19

Năm 2011: Đạt 8/19 tiêu chí: (1, 4, 8, 12, 14, 15, 16);
Năm 2012: Đạt 9/19 tiêu chí (thêm tiêu chí: 13);
Năm 2013: Đạt 12/19 tiêu chí (thêm tiêu chí: 5, 9, 11);
Năm 2014: Đạt 17/19 tiêu chí (thêm tiêu chí: 3, 6, 7, 17, 18);
Năm 2015: Đạt 19/19 tiêu chí (thêm tiêu chí còn lại: 2, 10).

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

Phụ lục 2

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÀ MỤC TIÊU THỰC HIỆN TIÊU CHÍ QUỐC GIA NÔNG THÔN MỚI XÃ BÌNH LỢI, HUYỆN BÌNH CHÁNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2011QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo vùng Đông Nam Bộ	Hiện trạng 2010	Dự kiến kết quả thực hiện				
					2011	2012	2013	2014	2015
I. QUY HOẠCH									
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1. Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ.	Đạt	Chưa đạt (Chỉ có quy hoạch tổng thể của huyện đến năm 2010, trong đó có xã)	Đạt (Thực hiện quy hoạch 1/2000)	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp.		Chưa đạt (Chưa thực hiện)	Đạt (Thực hiện quy hoạch 1/2000)	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ XÃ HỘI									
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn của Bộ Giao thông vận tải: (%)	100%	**51,14%** Tổng số: 18,32km - Đạt chuẩn: 9,37km - Nâng cấp, mở rộng: 8,95 km	51,14%	100% Nhựa hóa 8,95 km	100% Duy trì	100% Duy trì	100% Duy trì

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo vùng Đông Nam Bộ	Hiện trạng 2010	Dự kiến kết quả thực hiện				
					2011	2012	2013	2014	2015
		2.2. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm, được cứng hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn của Bộ GTVT: (%)	100%	**28,67%** Tổng số: 43,73 km - Đạt chuẩn: 12,5km - Nâng cấp, mở rộng: 31,19 km	36,13% Nâng cấp 3,26 km	54,76% Nâng cấp 8,15km	93,25% Nâng cấp 16,83 km	100% Nâng cấp 2,95 km	100% Duy trì
		2.3. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa: (%)	100%	**50%** Tổng số: 1,84 km - Đạt chuẩn: 0,92km - Nâng cấp, mở rộng: 0,92 km	50%	100% Bê tông 0,92km	100% Duy trì	100% Duy trì	100% Duy trì
		2.4.Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện: (%)	100%	**52,24%** Tổng số: 65,75 km - Đạt chuẩn: 34,35km - Nâng cấp, mở rộng: 31,40 km	52,24%	52,24%	52,24%	85,40% Cứng hóa 21,8 km	100% Cứng hóa 9,6 km
3	Thủy lợi	3.1. Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh:	**Đạt**	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		3.2. Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa: (%)	**85**	Chưa đạt 50%	Chưa đạt (Cải tạo, nạo vét các tuyến kênh)	Chưa đạt	Đạt (Nâng cấp 10 cống, xây mới 30 cống)	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	**Đạt**	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ Hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	**99%**	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo vùng Đông Nam Bộ	Hiện trạng 2010	Dự kiến kết quả thực hiện				
					2011	2012	2013	2014	2015
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia (%)	**100**	30%	30%	60% Xây dựng mới trường tiểu học	100% Nâng cấp, sửa chữa trường trung học cơ sở; Xây dựng mới trường mẫu giáo	100%	100%
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ Văn hóa, TT&DL	**Đạt**	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Tỷ lệ % thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	**100**	0% (0/4 ấp)	0%	0%	0%	100% (XD mới)	Đạt
7	Chợ nông thôn	Chợ đạt chuẩn của Bộ Xây dựng	**Đạt**	Chưa đạt (xã chưa có chợ nông thôn)	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt (xây dựng mới 1 chợ)	Đạt
8	Bưu điện	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông.	**Đạt**	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Có Internet đến thôn	**Đạt**	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát (%)	**Không**	19 căn nhà tạm dột nát	0,1%	0%	0%	0%	0%
		9.2. Nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng	**90**	75 %	80%	85%	90%	95%	>95%

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo vùng Đông Nam Bộ	Hiện trạng 2010	Dự kiến kết quả thực hiện				
					2011	2012	2013	2014	2015
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT									
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm so với mức bình quân chung của huyện. (lần)	**1,5**	Thu nhập bình quân đầu người/năm so với điểm xuất phát của xã (lần)	1,1 lần	1,2 lần	1,3 lần	1,4 lần	1,5 lần
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	**3**	6,86% (133/ 1.938)	6,5%	5,5%	<3%	<2%	<2%
12	Cơ cấu lao động	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp	**20**	Đạt 19,7	Duy trì	Duy trì	Duy trì	Duy trì	Duy trì
13	Hình thức tổ chức sản xuất	Có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả	**Có**	Chưa có	Chưa đạt	Đạt (thành lập tổ hợp tác)	Đạt	Đạt	Đạt
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG									
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục trung học	**Đạt**	Đạt (97%)	Đạt (97%)	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ % học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	**90%**	95%	95%	97%	97%	97%	97%
		14.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)	**>40**	67%	70%	>70%	>70%	>70%	>70%

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo vùng Đông Nam Bộ	Hiện trạng 2010	Dự kiến kết quả thực hiện				
					2011	2012	2013	2014	2015
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế	**40%**	55%	55%	60%	65%	70%	>75%
		15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia	**Đạt**	Chưa đạt	Đạt (xây mới trạm y tế)	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
16	Văn hóa	Xã có từ 70% số thôn, ấp đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ Thể thao, Văn hóa và Du lịch	**Đạt**	Đạt (3/4 ấp đạt)	Đạt (3/4 ấp)	Đạt (3/4 ấp)	Đạt (3/4 ấp)	Đạt (3/4 ấp)	Đạt Duy trì
17	Môi trường	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia	**90**	93%	95%	97%	100%	100%	100%
		17.2. Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường	**Đạt**	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.3. Không có các hoạt động suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp	**Đạt**	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch	**Đạt**	Không có	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt (Xây mới 1 nghĩa trang 3 ha)	Đạt
		17.5. Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định	**Đạt**	Chưa đạt	30% Chưa đạt	50% Chưa đạt	70% Chưa đạt	90% Đạt	100% Đạt

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo vùng Đông Nam Bộ	Hiện trạng 2010	Dự kiến kết quả thực hiện				
					2011	2012	2013	2014	2015
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ									
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	18.1. Cán bộ xã đạt chuẩn	**Đạt**	Chưa đạt (còn 14/38 người chưa đạt)	74% Chưa đạt	80% Chưa đạt	90% Đạt	100%	100%
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.	**Đạt**	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	**Đạt**	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên	**Đạt**	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
19	An ninh, trật tự xã hội	An ninh, trật tự xã hội được giữ vững	**Đạt**	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

Phụ lục 3

VỐN VÀ PHÂN BỔ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ BÌNH LỢI, HUYỆN BÌNH CHÁNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2011QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Lĩnh vực	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tổng vốn đầu tư	Chia theo nguồn					
						Ngân sách thành phố			Vốn dân	Vốn doanh nghiệp	Vốn tín dụng
						Nông thôn mới	Lồng ghép	Tổng			
I. Xây dựng cơ bản					**468.762**	277.128	59.000	336.128	125.659	6.975	0
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1. Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ:			**2.100**	2.100		2.100			
		1.2. Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã.									

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

STT	Lĩnh vực	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tổng vốn đầu tư	Chia theo nguồn					
						Ngân sách thành phố			Vốn dân	Vốn doanh nghiệp	Vốn tín dụng
						Nông thôn mới	Lồng ghép	Tổng			
2	Giao thông	Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện	km	72,46	**350.290**	183.428	50.000	233.428	116.862		
3	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh: Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa			**15.000**	15.000		15.000			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

STT	Lĩnh vực	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tổng vốn đầu tư	Chia theo nguồn					
						Ngân sách thành phố			Vốn dân	Vốn doanh nghiệp	Vốn tín dụng
						Nông thôn mới	Lồng ghép	Tổng			
4	Điện	Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện			**6.000**					6.000	
		Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt 100%									
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia			**66.000**	66.000		66.000			
6	Cơ sở vật chất văn hóa	Nhà văn hóa, khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL									
		Tỷ lệ % ấp có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ VH-TT-DL			**1.200**	600		600	600		

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

STT	Lĩnh vực	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tổng vốn đầu tư	Chia theo nguồn					
						Ngân sách thành phố			Vốn dân	Vốn doanh nghiệp	Vốn tín dụng
						Nông thôn mới	Lồng ghép	Tổng			
7	Chợ nông thôn	Chợ đạt chuẩn của Bộ Xây dựng			**10.000**	10.000		10.000			
8	Bưu điện	Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông.			**500**					500	
		Có Internet đến thôn									
9	Trạm Y tế	Xã có trạm y tế đạt chuẩn			**9.000**		9.000	9.000			
10	Nhà ở dân cư	Không còn nhà tạm, dột nát			**8.672**				8.197	475	
		Nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ XD									
II. Phát triển kinh tế					**53.199**	**0**	**7.720**	**7.720**	**19.380**	**2.500**	**23.599**
11	Thành tựu sản xuất	Các chính sách hỗ trợ, phát triển sản xuất			**48.199**		5.720	5.720	18.880		23.599
12	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (<3 %)			**2.500**		1.000	1.000		1.500	
13	Ccơ cấu lao động	Đào tạo nghề và giải quyết việc làm			**1.500**		500	500		1.000	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

STT	Lĩnh vực	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tổng vốn đầu tư	Chia theo nguồn					
						Ngân sách thành phố			Vốn dân	Vốn doanh nghiệp	Vốn tín dụng
						Nông thôn mới	Lồng ghép	Tổng			
14	Hình thức tổ chức sản xuất	Có Tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả			1.000		500	500	500		
III. Các hoạt động khác					15.000	0	5.800	5.800	1.200	3.000	5.000
15	Giáo dục	Phổ cập giáo dục trung học >70%			500		500	500			
		Tỷ lệ % học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) >80%									
		Tỷ lệ lao động qua đào tạo >40%									
16	Y tế	Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế > 40%, thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe cho nhân dân			1.000		800	800	200		

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

STT	Lĩnh vực	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tổng vốn đầu tư	Chia theo nguồn					
						Ngân sách thành phố			Vốn dân	Vốn doanh nghiệp	Vốn tín dụng
						Nông thôn mới	Lồng ghép	Tổng			
17	Văn hóa	Xã có từ 70% số thôn, ấp đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ TT-VH-DL			**500**		500	500			
18	Môi trường	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh >90%									
		Các cơ sở SX - KD đạt tiêu chuẩn về môi trường									
		Không có các hoạt động suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp			**12.000**		3.000	3.000	1.000	3.000	5.000
		Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định									

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

STT	Lĩnh vực	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tổng vốn đầu tư	Chia theo nguồn					
						Ngân sách thành phố			Vốn dân	Vốn doanh nghiệp	Vốn tín dụng
						Nông thôn mới	Lồng ghép	Tổng			
19	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh; An ninh trật tự được giữ vững	Cán bộ xã đạt chuẩn Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh" Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên An ninh, trật tự xã hội được giữ vững			**1.000**		1.000	1.000			
Tổng cộng = I + II + III					**536.961**	277.128	72.520	348.148	146.239	12.475	28.599

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

Phụ lục 4

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN XÃ BÌNH LỢI, HUYỆN BÌNH CHÁNH (Giai đoạn 2011 - 2015)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2011QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)

(Đơn vị tính: triệu đồng)

STT	Danh mục	Lý trình	Hiện trạng			Kế hoạch đầu tư			Kinh phí thực hiện			
			Dài (m)	Rộng (m)	Kết cấu	Dài (m)	Rộng (m)	Kết cấu	Nông thôn mới	Lồng ghép	Doanh nghiệp	Dân
I	**QUY HOẠCH**	**Quy hoạch 1/2000**							**2.100**	**-**	**-**	**-**
II	**GIAO THÔNG**								**183.428**	**50.000**	**-**	**116.862**
1	Đường lô 2 tổ 6 ấp 3	Vườn Thơm	450	3,0	Đá 0 x 4	450	3,0	Nhựa nóng	810			-
2	Đường lô 2 tổ 8 ấp 3	Vườn Thơm	450	3,0	Đá 0 x 4	450	3,0	Nhựa nóng	810			-
3	Đường lô 2 tổ 2 ấp 4	Vườn Thơm	450	3,0	Đá 0 x 4	450	3,0	Nhựa nóng	810			-
4	Đường lô 2 tổ 3 ấp 4	Vườn Thơm	450	3,0	Đá 0 x 4	450	3,0	Nhựa nóng	810			-
5	Kênh Số 3 (bờ bắc)	Vườn Thơm - Ranh LA	1.458	3,0	CPSĐ	1.458	5,0	Đá dăm	2.916			1.458
6	Đường lô 2 tổ 9 ấp 3	Vườn Thơm	450	3,0	Đá 0 x 4	450	3,0	Nhựa nóng	810			-
7	Đường lô 2 tổ 10 ấp 3	Vườn Thơm	450	3,0	Đá 0 x 4	450	3,0	Nhựa nóng	810			-
8	Đường lô 2 tổ 11 ấp 3	Vườn Thơm	450	3,0	Đá 0 x 4	450	3,0	Nhựa nóng	810			-
9	Đường lô 2 tổ 1 ấp 4	Vườn Thơm	450	3,0	Đá 0 x 4	450	3,0	Nhựa nóng	810			-
10	Đường lô 2 tổ 4 ấp 4	Vườn Thơm	450	3,0	Đá 0 x 4	450	3,0	Nhựa nóng	810			-

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

11	Kênh Xã Tỉnh (bờ nam)	Vườn Thơm - Ranh LA	1.487	3,0	CPSĐ	1.487	5,0	Đá dăm	2.974			1.487
12	Kênh số 3	Vườn Thơm - Ranh LA	1.458	5,0	CPSĐ	1.458	6,0	Nhựa tưới	4.374			729
13	Kênh số 5	Vườn Thơm - Ranh LA	1.481	6,0	CPSĐ	1.481	6,0	Nhựa tưới	4.443			-
14	Kênh số 5	Vườn Thơm - Ranh LA	1.481	5,0	CPSĐ	1.481	6,0	Nhựa tưới	4.443			741
15	Các Hẻm tổ 8 ấp 4	Tỉnh Lộ 10 - Rau Răm	923	3,0	Đá dăm	923	3,0	Bê tông	388			581
16	Trương Văn Đa	Kênh Ba Lạc - Đường tổ1 ấp1	8.028	6,5	CPSĐ	8.028	9,0	Nhựa nóng	43.351			10.035
17	Tổ 1 ấp 1	Đường Trương Văn Đa - 6 Oánh	922	6,0	CPSĐ	922	9,0	Nhựa nóng	4.979			1.383
18	Đường lô 2 tổ 1 ấp 3	Vườn Thơm	450	3,0	đá o x 4	450	3,0	Nhựa nóng	810			-
19	Đường lô 2 tổ 2 ấp 3	Vườn Thơm	450	3,0	đá o x 4	450	3,0	Nhựa nóng	810			-
20	Đường lô 2 tổ 3 ấp 3	Vườn Thơm	570	3,0	nhựa tưới	570	3,0	Nhựa nóng	1.026			-
21	Đường lô 2 tổ 5 ấp 3	Vườn Thơm	450	3,0	nhựa tưới	450	3,0	Nhựa nóng	810			-
22	Kênh Bà Bửu	Vườn Thơm - Ranh LA	1.500	3,0	CPSĐ	1.500	6,0	Nhựa tưới	4.500			2.249
23	Kênh Xã Tỉnh	Vườn Thơm - Ranh LA	1.487	5,0	CPSĐ	1.487	6,0	Nhựa tưới	4.461			744
24	Kênh Số 8	Vườn Thơm - Ranh LA	1.780	2,0	CPSĐ	1.780	6,0	Nhựa tưới	5.340			3.560
25	Kênh Số 8	Vườn Thơm - Ranh LA	1.780	2,0	Đất đen	1.780	6,0	Nhựa tưới	5.340			3.560
26	Tổ 6 - 7 Rau Răm	Vườn Thơm - Ranh LA	858	5,0	Đá dăm	858	6,0	Nhựa tưới	2.574			430
27	Kênh Rau Răm	Ranh Cầu Đôi - Kênh Rau Răm	1.200	5,0	CPSĐ	1.200	6,0	Nhựa tưới	3.600			600
28	Kênh Liên Vùng	Kênh Bà Bữu - Kênh Rau Răm	6.300	3,0	CPSĐ	6.300	6,0	Nhựa tưới	18.900			9.450

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

29	Tràm Lầy 1 (2 bên)	Vườn Thơm - Ranh LA	3.000	4,0	Đất đen	3.000	6,0	Đá dăm	4.080			6.120
30	Tràm Lầy 2 (2 bên)	Vườn Thơm - Ranh LA	3.000	4,0	Đất đen	3.000	6,0	Đá dăm	4.080			6.120
31	Kinh số 1 (2 bên)	Vườn Thơm - Ranh LA	3.000	2,0	Đất đen	3.000	6,0	Đá dăm	5.280			7.920
32	Kinh số 2 (2 bên)	Vườn Thơm - Ranh LA	3.000	2,0	Đất đen	3.000	6,0	Đá dăm	5.280			7.920
33	Kinh số 4 (2 bên)	Vườn Thơm - Ranh LA	3.000	2,0	Đất đen	3.000	6,0	Đá dăm	5.280			7.920
34	Kinh số 9 (2 bên)	Vườn Thơm - Ranh LA	1.200	2,0	Đất đen	1.200	6,0	Đá dăm	2.112			3.168
35	Kinh số 10 (2 bên)	Vườn Thơm - Ranh LA	2.800	2,0	Đất đen	2.800	6,0	Đá dăm	4.928			7.392
36	Kinh số 11 (2 bên)	Vườn Thơm - Ranh LA	2.800	4,0	Đất đen	2.800	6,0	Đá dăm	3.808			5.712
37	*Kênh số 3 (bờ bắc)*	Vườn Thơm - Ranh LA	1.458	5,0	CPSĐ	1.458	6,0	Nhựa tưới	4.374			729
38	*Kênh Xã Tình (bờ nam)*	Vườn Thơm - Ranh LA	1.487	3,0	CPSĐ	1.487	6,0	Nhựa tưới	4.461			2.230
39	Kinh số 6 (2 bên)	Vườn Thơm - Ranh LA	2.400	2,0	Đất đen	2.400	6,0	Đá dăm	4.224			6.336
40	Kinh số 7 (2 bên)	Vườn Thơm - Ranh LA	2.000	2,0	Đất đen	2.000	6,0	Đá dăm	3.520			5.280
41	Kinh số 12 (2 bên)	Vườn Thơm - Ranh LA	1.400	2,0	Đất đen	1.400	6,0	Đá dăm	2.464			3.696
42	Kinh số 13 (2 bên)	Vườn Thơm - Ranh LA	1.400	2,0	Đất đen	1.400	6,0	Đá dăm	2.465			3.697
43	Tư Đức (hai bên)	Tổ 6, 7 - Kinh 11	1.400	3,0	Đất đen	1.400	6,0	Đá dăm	2.184			3.276
44	Sáu Áp (2 bên)	Tổ 6, 7 - Kinh 12	1.000	3,0	Đất đen	1.000	6,0	Đá dăm	1.560			2.340
45	Xây 5 cây cầu kênh Xáng Ngang	Kênh Xáng Ngang								50.000		
III	**THỦY LỢI**								**15.000**	**-**	**-**	**-**
	Nâng cấp 10 cống thoát nước	Đường Vườn Thơm							3.000			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

	Xây mới 30 cống thoát nước	Đường Vườn Thơm							12.000			
IV	**TRƯỜNG HỌC**								**66.000**	**-**	**-**	**-**
	Xây mới Trường mẫu giáo								25.000			
	Xây mới Trường Tiểu học BL								40.000			
	Nâng cấp sửa chữa trường trung học cơ sở								1.000			
V	**TRẠM Y TẾ**								**-**	**9.000**	**-**	**-**
	Xây mới trạm y tế									9.000		
VI	**VĂN HÓA - XÃ HỘI**								**600**	**-**	**-**	**600**
	Xây mới VP.BND ấp 1	Ấp 1							300			300
	Nâng cấp VP.BND ấp 2	Ấp 2							100			100
	Nâng cấp VP.BND ấp 3	Ấp 3							100			100
	Nâng cấp VP.BND ấp 4	Ấp 4							100			100
VII	**CHỢ NÔNG THÔN**	**Xây mới chợ nông thôn**							**10.000**	**-**	**-**	**-**
VIII	**ĐIỆN**								**-**	**-**	**6.000**	**-**
	Nâng cấp hệ thống điện 3 pha, lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng các tuyến đường (Trương Văn Đa,...)	Đường Trương Văn Đa,…									3.000	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

	Nâng cấp xây mới hệ thống điện hạ thế, trung thế, cao thế, lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng các tuyến đường (Đường Lô 2...)	Đường Lô 2,…									3.000	
IX	**BƯU ĐIỆN**								**-**	**-**	**500**	**-**
X	**NHÀ Ở DÂN CƯ**	**Ấp 1, 2, 3, 4**									**475**	**8.197**
TỔNG									**277.128**	**59.000**	**6.975**	**125.659**
TỔNG CỘNG												**468.762**
BẰNG CHỮ: Bốn trăm sáu mươi tám tỷ bảy trăm sáu mươi hai triệu đồng												

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554

Phụ lục 5

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẠI ĐỊA BÀN XÃ BÌNH LỢI, HUYỆN BÌNH CHÁNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2011QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)

STT	Hiện trạng năm 2010			Dự kiến năm 2015		Vốn đầu tư
	Ngành nghề	Địa bàn	Qui mô	Địa bàn	Qui mô	(Triệu đồng)
1	Lúa	Ấp 1, 2	200 ha	Ấp 1, 2	100 ha	3.000
2	Trồng Sen	Ấp 1, 2	20 ha	Ấp 1, 2	30 ha	900
3	Mía	Ấp 1, 2, 3, 4	1010 ha	Ấp 1, 2, 3, 4	800 ha	24.000
4	Cây ăn trái	Ấp 1, 2, 3, 4	20 ha	Ấp 1, 2, 3, 4	150 ha	4.500
5	Cây mai, hoa kiểng	Ấp 2, 3, 4	31,65 ha	Ấp 2, 3, 4	80 ha	2.199
6	Nuôi cá	Ấp 1, 2	140 ha	Ấp 1, 2	320 ha	9.600
7	Heo	Ấp 1, 2, 3, 4	2500 con	Ấp 1, 2, 3, 4	5.000 con	2.500
8	Cá sấu	Ấp 1	386 con	Ấp 1	400 con	400
9	Bò thịt	Ấp 1, 2, 3, 4	80 con	Ấp 1, 2, 3, 4	100 con	100
Tổng cộng						**47.199**

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09559554